

TÁC ĐỘNG CỦA ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI ĐẾN CÂN CÂN THANH TOÁN QUỐC TẾ Ở VIỆT NAM

Nguyễn Thị Thùy Linh*

Ngày nhận bài: 07/02/2022

Ngày nhận bài sửa: 03/03/2022

Ngày duyệt đăng: 06/03/2022

Tóm tắt: Mục đích của bài viết nhằm đi sâu phân tích tác động của đầu tư trực tiếp nước ngoài đến cân cân thanh toán quốc tế ở Việt Nam trong thời gian vừa qua. Trong giai đoạn 2018 – 2021, đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam không ngừng lớn mạnh, đem đến cả tác động tiêu cực và tích cực đến cân cân thanh toán quốc tế ở Việt Nam. Tác động tích cực có thể kể đến là cải thiện cân cân tài khoản tài chính và đóng góp lớn vào giá trị xuất khẩu, ngược lại, có 2 tác động tiêu cực là gia tăng nhập khẩu và gia tăng chuyển lợi nhuận đầu tư ra nước ngoài. Từ đó, bài viết đưa ra một số giải pháp nhằm hạn chế tác động tiêu cực của đầu tư trực tiếp nước ngoài đến cân cân thanh toán quốc tế ở Việt Nam.

Từ khóa: đầu tư trực tiếp nước ngoài, cân cân thanh toán quốc tế, xuất khẩu, nhập khẩu, ...

AFFECTIONS OF FOREIGN DIRECT INVESTMENT TO INTERNATIONAL BALANCE OF PAYMENTS IN VIETNAM

Abstract: The purpose of this article aims to intensively analyze the affections of foreign direct investment in Vietnam recently. From 2018 - 2021, FDI in Vietnam was made a constant progress, bringing both positive and negative effects to International balance of payments in Vietnam. Those significant positive influences can be listed such as improving financial accounting balances and contributing to export values. On the contrary, there're two negative effects, improving import values and increasingly transferring profits abroad. Therefore, this article will draw up some effective solutions which could restrict the negative influences of FDI to international balance of payments in Vietnam.

Keywords: foreign direct investment (FDI), international balance of payments, imports, exports,....

Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) tại một quốc gia là việc nhà đầu tư ở một nước khác đưa vốn bằng tiền hoặc bất cứ tài sản nào vào quốc gia đó để được quyền sở hữu và quản lý hoặc quyền kiểm soát một thực thể kinh tế tại quốc gia đó với mục tiêu tối đa hoá lợi ích của mình [5]. Ở Việt Nam, đây là nguồn vốn quan trọng để thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa; đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế; góp phần phát triển nguồn nhân lực có kỹ năng và

trình độ cao; tạo thêm việc làm cho người lao động. Với vai trò quan trọng của mình, FDI đã đóng góp không nhỏ vào xuất khẩu và cân cân tài chính của Việt Nam. Tuy nhiên, FDI cũng là một trong những nguyên nhân chính làm tăng nhập khẩu và dịch chuyển thu nhập từ đầu tư ra nước ngoài. Vì vậy bài viết muốn đi vào đánh giá tác động của đầu tư trực tiếp nước ngoài tới cân cân thanh toán quốc tế của Việt Nam trên hai giác độ tích cực và tiêu cực. Để đánh giá tác

* Thạc sĩ, Trường Đại học Tài chính quản trị kinh doanh, Email: thuylinh32312@gmail.com

động của FDI đến cán cân thanh toán ở Việt Nam, bài viết đã sử dụng các thống kê mô tả, tổng hợp, so sánh các dữ liệu trong giai đoạn 2018 -2021 ở Việt Nam. Từ kết quả nghiên cứu đạt được, bài viết đề xuất một số giải pháp nhằm hạn chế tác động tiêu cực của đầu tư trực tiếp nước ngoài, từ đó có chính sách thu hút và sử dụng vốn FDI hiệu quả hơn.

1. Sự phát triển của đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam

Trong Bảng 1 có thể thấy sự tăng trưởng lượng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam có sự thay đổi theo giai đoạn trước đại dịch Covid 19 và giai đoạn khi đại dịch Covid diễn ra. Giai đoạn trước đại dịch Covid 19, năm 2018 và 2019, lượng vốn của FDI tăng mạnh. Năm 2019 lượng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt 38,95 tỷ USD; tăng 7,1%% so với năm 2018. Xét về tốc độ giải ngân vốn năm 2018-2019, vốn thực hiện năm 2018 và 2019 đều đạt trên 52% so với vốn đăng ký. Có được sự tăng trưởng vốn FDI tốt như thế là do Việt Nam thời gian qua liên tục cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, đổi mới thủ tục hành chính và tạo niềm tin cho nhà đầu tư.

Bảng 1: Lượng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam giai đoạn 2018 – 2021

Năm	Tổng vốn đăng ký (Tỷ USD)	Tổng vốn thực hiện (Tỷ USD)
2018	36,37	19,1
2019	38,95	20,38
2020	31,05	19,98
2021	31,15	19,74

Nguồn: Tổng hợp số liệu từ Tổng cục thống kê

Cũng trong bảng 1, xét về giai đoạn khi đại dịch Covid diễn ra, tức là giai đoạn 2020-2021, dưới sự ảnh hưởng bởi dịch Covid 19, số dự án của FDI giảm kỷ lục, giảm 35% so với năm 2019, kéo theo đó là vốn đăng ký cũng giảm đi rất nhiều so với những năm trước. Tổng vốn đăng ký năm 2020 (năm bắt đầu chịu ảnh hưởng bởi đại dịch) giảm 21% so với năm 2019. Mặc dù số dự án và vốn đăng ký giảm nhiều, nhưng vốn thực hiện năm 2020 và năm 2021 vẫn đạt thành tích rất tốt. Cụ thể, năm 2020 đạt 19,98 tỷ USD, bằng 98% so với năm 2019; năm 2021

đạt 19,74 tỷ USD, bằng 99% so với năm 2020. Đây là kết quả đáng ghi nhận trong bối cảnh đại dịch. Theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, nhiều doanh nghiệp đầu tư nước ngoài đang dần hồi phục và duy trì tốt hoạt động sản xuất - kinh doanh và mở rộng dự án, hiện vẫn có rất nhiều nhà đầu tư nước ngoài quan tâm, tin tưởng và có nhu cầu đầu tư vào Việt Nam.

Bảng 2: Tốp 10 quốc gia và vùng lãnh thổ có vốn đầu tư trực tiếp nhiều nhất vào Việt Nam (Luỹ kế các dự án còn hiệu lực đến ngày 31/12/2020)

TT	Nước	% vốn đăng ký mới so với tổng số cả nước		
		Số dự án	Vốn đăng ký mới (Tỷ USD)	% vốn đăng ký mới so với tổng số cả nước
1	Hàn Quốc	8.950	70,44	18,24
2	Nhật Bản	4.641	60,58	15,68
3	Singapo	2.630	56,86	14,72
4	Đài Loan	2.794	35,74	9,25
5	Đặc khu hành chính Hồng Kông	1.940	25,99	6,73
6	Quần đảo Vinrgin (Anh)	865	22,15	5,73
7	Trung Quốc	3.134	18,63	4,82
8	Malayxia	644	12,93	3,35
9	Thái Lan	604	12,65	3,28
10	Hà Lan	370	10,29	2,67

Nguồn: Tổng hợp số liệu từ Tổng cục thống kê

Trong số các chủ đầu tư FDI vào Việt Nam thì hiện nay Hàn Quốc là nước dẫn đầu với lượng vốn đăng ký cấp mới vào Việt Nam tính đến năm 2020 lên tới 70,44 tỷ USD (chiếm 18,24% tổng vốn đăng ký cấp mới cả nước), ngoài ra còn có các nước khác như Malaixia, Nhật Bản, Singapo, Đài Loan, Hồng Kông,... (Bảng 2). Nhìn chung chủ đầu tư FDI chủ yếu là đến từ các nền kinh tế châu Á – Thái Bình Dương (chiếm khoảng 70% tổng lượng vốn FDI), và phần lớn nhà đầu tư là các doanh

ngành nhỏ và vừa với trình độ khoa học công nghệ ở mức trung bình trên thế giới. Việt Nam vẫn chưa thu hút được nhiều lượng vốn của các nước có trình độ phát triển cao, thị trường lớn, công nghệ hiện đại ở châu Âu, châu Mỹ. Ngành tập trung chủ yếu lượng vốn đầu tư của các nước vào Việt Nam là ngành công nghiệp chế biến – chế tạo (chiếm 59,17% tổng số vào năm 2020).

2. Tác động của đầu tư trực tiếp nước ngoài đến cán cân thanh toán quốc tế tại Việt Nam

Bảng 3 thể hiện cán cân thanh toán quốc tế của Việt Nam từ năm 2018 đến năm 2021. Cán cân thanh toán quốc tế bao gồm hai bộ phận chính là cán cân vãng lai và cán cân tài chính. Có rất nhiều nhân tố ảnh hưởng đến cán cân vãng lai và cán cân tài chính của Việt Nam trong giai đoạn này. Tuy nhiên bài viết chỉ tập trung phân tích tác động tích cực và tiêu cực của việc thu hút và sử dụng vốn FDI tại Việt Nam đến cán cân thanh toán quốc tế trong giai đoạn vừa qua.

Bảng 3: Cán cân thanh toán quốc tế của Việt Nam giai đoạn 2018 – 2021

Đơn vị tính: triệu USD

	2018	2019	2020	3 quý đầu năm 2021
A. Cán cân vãng lai	5.769	12168	14.967	-7.840
- Cán cân thương mại hàng hóa	16.539	21221	30615	7.419
- Cán cân thương mại dịch vụ	-3810	-1501	-10.287	-11.687
- Thu nhập đầu tư (ròng)	-15.818	-16795	-14.817	-11.888
+ Thu nhập đầu tư (thu)	1.615	2237	1.428	729
+ Thu nhập đầu tư (chi)	17.433	19032	16.245	12.617
- Chuyển giao vãng lai (ròng)	8857	9243	9.456	8.316
B. Cán cân vốn	0	0	0	0
C. Cán cân tài chính	8.466	18971	8483	23.864
- Đầu tư trực tiếp (ròng)	14.902	15670	15.420	10402
+ Đầu tư trực tiếp ra nước ngoài	-598	-450	-380	-148
+ Đầu tư trực tiếp vào Việt Nam	15.500	16120	15.800	10550
- Đầu tư gián tiếp (ròng)	3021	2998	-1256	542
- Đầu tư khác (ròng)	-9457	303	-5681	12920
D. Lỗi và sai sót	-8204	-7885	-6716	-3849
E. Cán cân tổng thể	6031	23254	16734	12175

Nguồn: Tổng hợp số liệu từ Ngân hàng nhà nước Việt Nam

2.1. Tác động tích cực

* Cải thiện cán cân tài khoản tài chính

Dòng vốn FDI là một trong những nguồn quan trọng để bù đắp sự thiếu hụt về vốn ngoại tệ đối với các nước đang phát triển như Việt Nam. Lý do là vì FDI góp phần nhằm tăng khả

năng cạnh tranh và mở rộng khả năng xuất khẩu của nước nhận đầu tư, thu một phần lợi nhuận từ các công ty nước ngoài, thu ngoại tệ từ các hoạt động dịch vụ phục vụ cho FDI.

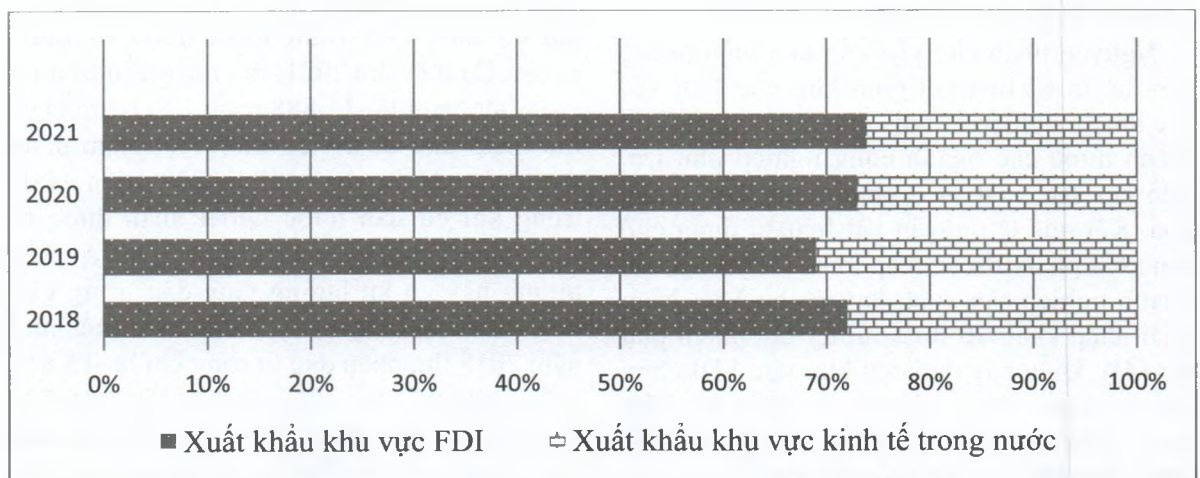
Nhờ việc thúc đẩy xuất khẩu hàng hóa, khu vực FDI đã đem về lượng ngoại tệ đáng kể cho

Việt Nam. Theo bảng 3, dòng tiền FDI vào Việt Nam năm 2019 tăng so với năm 2018 (từ 14.902 triệu USD năm 2018 lên 15670 triệu USD năm 2019). Năm 2020 chứng kiến sự tàn phá của dịch Covid 19 nhưng dòng tiền FDI vào Việt Nam chỉ giảm nhẹ so với năm 2019. Đến năm 2021, 3 quý đầu năm thì dòng tiền FDI cũng đã đạt 2/3 so với năm 2020. Với sự tác động của dịch Covid trên toàn cầu thì đây là kết quả rất đáng mừng. Nhờ có dòng tiền FDI đã giúp làm bội thu cán cân tài khoản tài chính (từ năm 2018 đến năm 2021 cán cân tài khoản tài chính luôn ở trạng thái thặng dư).

** Đóng góp lớn vào giá trị xuất khẩu*

Nhờ có FDI, hoạt động thương mại sẽ được thúc đẩy mạnh hơn, tạo hành lang cho hoạt động xuất khẩu và tiếp cận nhanh với thị trường thế giới. Tại Việt Nam, việc đẩy mạnh xuất khẩu cũng là đóng góp nổi bật, thể hiện rõ nét

vai trò của FDI trong suốt nhiều năm qua. Giai đoạn đầu của cải cách kinh tế (thời kì 1996 – 2000), xuất khẩu của khu vực FDI chỉ đạt 10,6 tỷ USD [8]. Sang đến năm 2018 thì xuất khẩu của khu vực FDI đã đạt 175,52 tỷ USD (chiếm 71,7% tổng kim ngạch hàng hóa xuất khẩu). Sang năm 2019, tuy tỷ trọng xuất khẩu của khu vực FDI trong tổng xuất khẩu của cả nước giảm nhẹ nhưng xét về giá trị thì vẫn tăng 4,2% so với năm 2018 (đạt 181,35 tỷ USD). Với sự phát triển mạnh mẽ của đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam, mặc dù chịu ảnh hưởng bởi đại dịch Covid 19 thì năm 2020 và 2021 giá trị xuất khẩu vẫn tăng mạnh. Cụ thể năm 2020 giá trị xuất khẩu đạt 203,3 tỷ USD (chiếm tỷ trọng 72,2% tổng kim ngạch xuất khẩu), đặc biệt năm 2021 đánh dấu sự hoạt động hiệu quả nhất của khu vực này khi giá trị xuất khẩu lên tới 247,54 tỷ USD (chiếm tỉ trọng 73,6% tổng kim ngạch xuất khẩu) (xem trong Hình 1).



Hình 1: Tỷ trọng xuất khẩu của khu vực FDI trong tổng xuất khẩu của cả nước

Trong khi xuất khẩu khu vực kinh tế trong nước tốc độ tăng rất chậm, còn có dấu hiệu giảm thì xuất khẩu của khu vực FDI vẫn tăng cao, chiếm tỷ trọng lớn trên 60%, nhờ đó duy trì được tốc độ tăng xuất khẩu của cả nước khá cao trong nhiều năm. Điều này giúp cho cán cân thương mại thặng dư khá nhiều. Điều đó góp phần làm cải thiện cán cân vãng lai. Nếu không nhờ có các doanh nghiệp FDI thì có lẽ cán cân thương mại của Việt Nam sẽ luôn ở trong tình

Nguồn: Tổng hợp số liệu từ Tổng cục thống kê
trạng nhập siêu cao, và dẫn đến thâm hụt cán cân tài khoản vãng lai.

2.2. Tác động tiêu cực

Bên cạnh việc dòng vốn FDI đã đóng góp rất nhiều vào sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam, góp phần thúc đẩy xuất khẩu hàng hóa và tạo ra thặng dư trong cán cân thanh toán quốc tế của Việt Nam thì song hành với đó dòng vốn này cũng có những tác động tiêu cực.

- *Gia tăng nhập khẩu*

Bảng 4: Nhập khẩu của Việt Nam giai đoạn 2018 – 2021

	2018	2019	2020	2021
Tổng kim ngạch nhập khẩu cả nước (tỷ USD)	237,51	253,51	262,4	332,25
Nhập khẩu của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (tỷ USD)	142,71	145,5	168,8	218,18
Tỷ trọng nhập khẩu của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài so với tổng kim ngạch nhập khẩu (%)	60,09	57,39	64,33	65,67

Đóng góp của khu vực đầu tư trực tiếp nước ngoài trong kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam là đáng ghi nhận. Tuy nhiên, khi kim ngạch xuất khẩu của khu vực FDI tăng cao thì cũng gắn liền với việc tăng kim ngạch nhập khẩu của khu vực này. Trong bảng 4, nếu như năm 2018 nhập khẩu của doanh nghiệp FDI là 142,71 tỷ USD (chiếm 60,09%) thì đến năm 2021 đã tăng 52,89%, lên tới 218,18 tỷ USD (chiếm 65,67%). Trong đó thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam là Trung Quốc, tiếp đến là Hàn Quốc, Asean, Nhật Bản,...

Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến hiện tượng trên là do sự liên kết giữa khu vực FDI với các doanh nghiệp nội địa còn rất ít, chưa hình thành được các ngành công nghiệp phụ trợ, liên kết sản xuất theo chuỗi cung ứng hàng hóa. Kết quả là nguyên vật liệu sử dụng cho sản xuất phần lớn là nhập khẩu (Hiện tại, các doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp tại Việt Nam phải nhập khẩu 70-80% lượng sản phẩm phụ trợ [4]). Điều này dẫn đến khu vực FDI chưa tạo ra được nhiều giá trị gia tăng tại Việt Nam, càng xuất khẩu nhiều thì càng cần nhập khẩu lớn đầu vào. Ví dụ như năm 2021, điện thoại là mặt hàng xuất khẩu đạt kim ngạch cao khoảng 57,54 tỷ USD nhưng đến gần 90% nguyên vật liệu, linh kiện phải nhập khẩu từ nước ngoài [9]. Cũng trong hoàn cảnh tương tự là các mặt hàng: máy vi tính, hàng điện tử, hàng dệt may, giày dép, ô tô...đều sử dụng nguyên vật liệu nhập khẩu là chủ yếu do trong nước chưa có doanh nghiệp sản xuất cung cấp nguyên liệu đầu vào phù hợp cho các sản phẩm trên [1].

Như vậy, tuy khu vực FDI tạo ra giá trị xuất khẩu lớn, nhưng đồng thời cũng làm gia tăng giá trị kim ngạch nhập khẩu không hề

Nguồn: Tổng hợp số liệu từ Tổng cục thống kê nhỏ cho Việt Nam (chiếm trên 50% tổng kim ngạch nhập khẩu). Nếu trong tương lai, Việt Nam không có nhiều biện pháp khắc phục thì cán cân thanh toán sẽ không được cải thiện và tốt lên.

- Gia tăng chuyển lợi nhuận đầu tư ra nước ngoài

Khoản thu nhập đầu tư ròng trong bảng 3 cho thấy khoản lợi nhuận từ đầu tư mà doanh nghiệp nước ngoài nhận được từ Việt Nam lớn hơn rất nhiều so với số lợi nhuận đầu tư mà cư dân Việt Nam nhận được từ nước ngoài. Cụ thể năm 2021, thu nhập đầu tư ròng của Việt Nam là -11.888 triệu USD, tức là số thu nhập đầu tư mà cư dân Việt Nam nhận được từ nước ngoài chỉ là 729 triệu USD trong khi cư dân nước ngoài nhận được từ Việt Nam lên tới 12.617 triệu USD. Và chiều hướng này có xu hướng tăng dần trong giai đoạn trước khi xảy ra đại dịch covid (nếu như năm 2018 thu nhập đầu tư ròng chỉ là -15.818 triệu USD thì năm 2019 đã tăng lên - 16.795 triệu USD). Tuy năm 2020 và 2021 thu nhập đầu tư ròng bị giảm xuống do dịch Covid xảy ra, nhưng theo dự báo của bộ công thương thì từ năm 2022, khi nền kinh tế toàn thế giới dần hồi phục thì thu nhập đầu tư ròng của Việt Nam sẽ có xu hướng tăng lên (theo chiều âm). Như vậy, khi khu vực FDI kinh doanh tốt, thu được lợi nhuận cao thì dòng tiền này lại được chuyển về nước họ, xu hướng này càng gia tăng thì sẽ khiến cho cán cân vãng lai nói riêng, cán cân thanh toán nói chung của Việt Nam sẽ ngày càng xấu đi. Vì vậy chính phủ sẽ cần phải có các biện pháp để giảm tác động của các khoản lợi nhuận từ đầu tư chuyển ra nước ngoài.

3. Giải pháp hạn chế tác động tiêu cực của FDI đến cán cân thanh toán quốc tế ở Việt Nam

- Thứ nhất, cần hình thành mạng lưới ngành công nghiệp phụ trợ

Để cải thiện được cán cân thanh toán thì việc cần phải làm là giảm nhập khẩu của khu vực FDI. Như đã nói ở trên, nguyên nhân chính dẫn đến hiện trạng nhập khẩu nhiều từ khu vực FDI là do Việt Nam chưa có nhiều khu công nghiệp phụ trợ. Cho nên trong thời gian tới cần phải liên kết sản xuất theo chuỗi cung ứng hàng hóa với sự tham gia của nhiều doanh nghiệp Việt Nam kết hợp với các doanh nghiệp FDI. Từ đó thúc đẩy sản xuất nội địa phát triển cũng như tạo ra các ngành phụ trợ để hạn chế nhập khẩu các thiết bị hay bộ phận mà Việt Nam có thể tự sản xuất được. Để làm được điều này thì chính phủ cần có các chính sách ưu đãi dành riêng cho các doanh nghiệp phụ trợ, ví dụ như giảm thuế, cung cấp nguồn tín dụng ưu đãi,... Ngoài ra, chính phủ cần có các chính sách, quy định về thuế, phí, đất đai, quản lý ngoại hối... để thu hút, khuyến khích khu vực FDI sử dụng đầu vào trong nước.

- Thứ hai, hạn chế chuyển lợi nhuận đầu tư ra nước ngoài

Do hiện nay khoản lợi nhuận từ đầu tư chuyển ra nước ngoài tương đối lớn và có xu hướng tăng dần, tác động xấu đến cán cân thanh toán. Muốn hạn chế chuyển lợi nhuận đầu tư ra nước ngoài thì cần phải thúc đẩy, khuyến khích, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp FDI tái đầu tư các khoản lợi nhuận. Để làm được điều này thì trong thời gian tới, chính phủ và các bộ, ngành và địa phương có liên quan cần thực hiện một số giải pháp sau:

+ Cải thiện môi trường đầu tư: Vấn đề mang tính quan trọng then chốt trong việc thu hút FDI là tạo lập môi trường đầu tư hấp dẫn. Chính phủ cần đảm bảo cho môi trường đầu tư có tính công khai, minh bạch, ổn định, dễ dự báo về thể chế, chính sách và luật pháp; thực thi pháp luật nghiêm minh, thống nhất, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư; thủ tục hành chính đơn giản, bảo đảm thời gian đã quy định.

+ Chính sách đầu tư nước ngoài cần liên tục rà soát, điều chỉnh kịp thời cho phù hợp và theo kịp với những thay đổi, biến động của kinh tế toàn cầu và những thay đổi trong chiến lược thu hút FDI của các nước trên thế giới.

+ Chính phủ cần tiếp tục củng cố nền tảng vĩ mô vững mạnh, ổn định. Ví dụ như trong thời gian qua, khi đại dịch Covid xảy ra, có đôi lúc chiến lược xử lý dịch COVID- 19 còn lúng túng, gây khó khăn cho các doanh nghiệp FDI. Điều này cần phải kịp thời điều chỉnh, chính phủ cần cố gắng nhanh nhất đưa các hoạt động kinh tế, xã hội trở lại bình thường, xóa bỏ tình trạng đứt gãy chuỗi cung ứng hàng hóa, lao động tạo dựng niềm tin và sự an tâm của các nhà đầu tư nước ngoài.

+ Nâng cao trình độ lao động: Trình độ lao động là điều các doanh nghiệp FDI rất quan tâm và đánh giá trình độ lao động tại Việt Nam chưa cao. Do vậy, chính phủ và các cơ quan liên quan cần đẩy mạnh mạng lưới đào tạo nghề, hỗ trợ doanh nghiệp trong đào tạo và tuyển dụng lao động đáp ứng nhu cầu của nền kinh tế nói chung, nhu cầu của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài nói riêng. Bên cạnh việc đào tạo kỹ năng nghề, các cơ sở đào tạo cần đào tạo nâng cao tính kỷ luật lao động, các kỹ năng mềm, khả năng hợp tác và chia sẻ kinh nghiệm để lao động Việt Nam vừa có kỹ năng nghề cao và có tính chuyên nghiệp, đáp ứng nhu cầu lao động của doanh nghiệp trong thời kỳ cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Kết luận

Đầu tư trực tiếp nước ngoài có vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế Việt Nam, và nó có tác động rất lớn tới cán cân thanh toán quốc tế ở Việt Nam. Ngoài tác động tích cực như đóng góp lớn vào xuất khẩu và cải thiện cán cân thanh toán thì đầu tư trực tiếp nước ngoài lại đóng vai trò lớn trong gia tăng nhập khẩu và gia tăng chuyển lợi nhuận đầu tư ra nước ngoài. Do vậy, trong thời gian tới chính phủ sẽ cần chú tâm giảm thiểu tác động tiêu cực bằng các giải pháp như cần hình thành mạng lưới ngành công nghiệp phụ trợ, cải thiện môi trường đầu tư, hoàn thiện chính sách đầu tư, nâng cao trình độ lao động.

Tài liệu tham khảo

1. Tổng cục hải quan (2022), Tình hình xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam tháng 12 và 12 tháng năm 2021, <https://tongcuc.customs.gov.vn/index.jsp?pageId=442&tkId=4682#:~:text=T%E1%BB%95ng%20c%E1%BB%A5c%20H%E1%BA%A3i%20quan%20ghi,USD%20so%20v%E1%BB%9Bi%20n%C4%83m%202020>, truy cập ngày 20/01/2022.
2. PGS TS Phùng Xuân Nhạ, Nhìn lại vai trò của đầu tư trực tiếp nước ngoài trong bối cảnh phát triển mới của Việt Nam, http://www.hids.hochiminhcity.gov.vn/c/document_library/get_file?uuid=1a6255d0-608c-4aae-b9c7-6fbc6ff68095&groupId=13025, truy cập ngày 19/01/2022.
3. Ngân hàng nhà nước Việt Nam, cán cân thanh toán quốc tế năm 2018, 2019, 2020, 2021, https://www.sbv.gov.vn/webcenter/portal/vi/menu/trangchu/tk/cctqt?_afLoop=48771835683703224#%40%3F_afLoop%3D48771835683703224%26centerWidth%3D80%2525%26leftWidth%3D20%2525%26rightWidth%3D0%2525%26showFooter%3Dfalse%26showHeader%3Dfalse%26_adf.ctrl-state%3Dge3juncgk_9, truy cập ngày 15/01/2022.
4. Trịnh Minh Tâm (2014), FDI với Việt Nam: những thành tựu, hạn chế và giải pháp phát triển, <https://phapluatdansu.edu.vn/2010/05/02/20/17/4815/>, truy cập ngày 15/01/2022.
5. Thư viện học liệu mở Việt Nam, Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài và hình thức của nó trong thực tiễn, <https://tailieu.vn/doc/von-dau-tu-truc-tiep-nuoc-ngoai-va-hinh-thuc-cua-no-trong-thuc-tien-1914633.html>, truy cập ngày 15/01/2022.
6. Tổng cục thống kê, Báo cáo tình hình kinh tế xã hội quý IV và năm 2018, <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2019/04/thong-cao-bao-chi-ve-tinh-hinh-kinh-te-xa-hoi-quy-iv-va-nam-2018/>, truy cập ngày 10/01/2022.
7. Tổng cục thống kê, Báo cáo tình hình kinh tế xã hội quý IV và năm 2019, <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2019/12/bao-cao-tinh-hinh-kinh-te-xa-hoi-quy-iv-va-nam-2019/>, truy cập ngày 10/01/2022.
8. Tổng cục thống kê, Báo cáo tình hình kinh tế xã hội quý IV và năm 2020, <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2020/12/baocao-tinh-hinh-kinh-te-xa-hoi-quy-iv-va-nam-2020/>, truy cập ngày 10/01/2022.
9. Tổng cục thống kê, Báo cáo tình hình kinh tế xã hội quý IV và năm 2021, <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2021/12/bao-cao-tinh-hinh-kinh-te-xa-hoi-quy-iv-va-nam-2021/>, truy cập ngày 10/01/2022.